TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S –TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2020/HSST	
Ngày: 04/5/2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Kim Thành.

- Ông Nguyễn Văn Đích.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/TLST - HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T. Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 26/8/1994, tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: tổ 153 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trình độ học vấn: 9/12, nghề nghiệp: không, quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không; con ông: Lê Văn L (SN:1959) và bà: Huỳnh Thị R (SN:1963); gia đình có 06 anh chị em, bị can là con thứ 5 trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị Mỵ N (chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn) và 01 con; tiền án: ngày 05.11.2016 bị TAND quận T xử phạt 30 tháng tù về tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*", tiền sự: chưa;

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 21/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại trại giam H - Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

**** Người chứng kiến:***

- Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1989. Nghề nghiệp và nơi làm việc: Nhân viên lễ tân khách sạn Loving homestay, số 41 An Cư 7, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

- Chị Đặng Thị Thanh T, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: tổ 03, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09h15 ngày 21.12.2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khách sạn Loving homestay 41 An Cư 7, phường P, quận S có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đội CSĐT TP về ma túy phối hợp với công an phường P tiến hành kiểm tra tại phòng 502 khách sạn Loving homestay thì phát hiện Lê Văn T đang từ trong nhà vệ sinh đi ra. Qua kiểm tra phát hiện ở bồn cầu có 01 gói nyL kích thước (04 x 06) cm bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng, tiếp tục kiểm tra tại vị trí cuối giường ngủ trong phòng có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá. T khai nhận nguồn gốc số ma túy này T đã nhờ một đối tượng tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) chở đi mua từ chiều ngày 20.12.2019 của một đối tượng tên G (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.500.000đ nhằm mục đích sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân. T rủ L cùng thuê khách sạn Loving homestay 41 An Cư 7, phường P, quận S để sử dụng. Sau khi sử dụng xong, L đi đâu không rõ. Đến sáng ngày 21.12.2019 thì Lê Văn T bị lực lượng công an phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) gói ni lông kích thước (4x6)cm cm bên trong có chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy đá kí hiệu niêm phong T;
- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, số imeil: 861570044848679.

Căn cứ Kết luận giám định số: 09/GĐ- MT ngày 26 /12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Đà Nẵng: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu tinh thể: 3,221g.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 12.3.2020, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Lê Văn T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố luận tội đối với bị cáo và khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội*"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt phạm tội quả tang (ngày 21/12/2019).

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Lê Văn T, Công an quận S đã ra Quyết định xử lý hành chính là có cơ sở nên không đề cập đến.

- Đối với đối tượng tên G (đã bán ma túy cho T), đối tượng tên L (người chở T đi mua ma túy và sử dụng ma túy cùng với T) hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên cơ quan CSĐT Công an quận S tách ra, tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị HĐXX căn cứ Điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS:

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số: 09/GĐ-MT ngày 26/12/2019 của Phòng KTHS Công an TP Đà Nẵng bên trong có chứa 2,887g gam mẫu T - là khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá là công cụ, phương tiện phạm tội.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, số imeil: 861570044848679 là phương tiện Lê Văn T dùng để gọi cho đối tượng tên L nhờ chở đi mua ma túy.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày lời nói sau cùng:

Bị cáo đã thấy rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 09h15 ngày 21.12.2019 tại phòng 502 khách sạn Loving homestay 41 An Cư 7, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng, đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an quận S phối hợp với Công an phường P phát hiện, bắt quả tang Lê Văn T đang tàng trữ 3,221g ma túy loại Methamphetamine. Nguồn gốc số ma túy này T đã nhờ một đối tượng tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) chở đi mua từ chiều ngày 20.12.2019 của một đối tượng tên G (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 1.500.000đ để sử dụng cho nhu cầu của nghiện của bản thân.

Xét thấy khối lượng 3,221gam ma túy loại Methamphetamine bị cáo Lê Văn T tàng trữ để sử dụng không nhằm mục đích mua bán đã đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Văn T là người trên 18 tuổi, nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm, thấy trước được tác hại của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó, bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S truy tố là có căn cứ.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm phạm tội lần này Lê Văn T đã có 01 tiền án: ngày 05.11.2016 bị TAND quận T xử phạt 30 tháng tù về tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*" chưa được xóa án tích, chứng tỏ bị cáo Lê Văn T đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm nhưng Viện kiểm sát nhân dân quận S không truy tố Lê Văn T thêm điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, mà chỉ đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *tái phạm* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là chưa chính xác. Do đó, HĐXX xác định Lê Văn T còn phạm vào tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *tái phạm* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[3] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Lê Văn T, Công an quận S đã ra Quyết định xử lý hành chính là có cơ sở nên không đề cập đến.

[4] Đối với đối tượng tên G (đã bán ma túy cho T), đối tượng tên L (người chở T đi mua ma túy và sử dụng ma túy cùng với T) hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên cơ quan CSĐT Công an quận S tách ra, tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 phong bì niêm phong số: 09/GĐ-MT ngày 26/12/2019 của Phòng KTHS Công an TP Đà Nẵng bên trong có chứa 2,887g gam mẫu T - là khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói, đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá là công cụ, phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, số imeil: 861570044848679 là phương tiện Lê Văn T dùng để gọi cho đối tượng tên L nhờ chở đi mua ma túy nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 3 năm 2020).

[6] Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

1/ Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 03 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt phạm tội quả tang (ngày 21/12/2019).

2/ Xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số: 09/GĐ-MT ngày 26/12/2019 của

Phòng KTHS Công an TP Đà Nẵng bên trong có chứa 2,887g gam mẫu T - là khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, số imeil: 861570044848679 của Lê Văn T.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 3 năm 2020).

3/ Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng bị cáo Lê Văn T phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo Lê Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S;
- Công an quận S;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa